

Số: 792/KH-UBND

Bình Dương, ngày 27 tháng 02 năm 2019

### **KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định Tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 1 năm 2019 – 2022**

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định Tiêu chuẩn trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (gọi tắt là Quyết định 06); Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định 06 trên địa bàn tỉnh giai đoạn 1 năm 2019 – 2022 như sau:

#### **I. Mục tiêu**

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động của gia đình, nhà trường, cộng đồng và toàn xã hội đối với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện phù hợp với trẻ em; tạo điều kiện cho trẻ em được hưởng các quyền cơ bản của mình như: Quyền được sống, Quyền được phát triển, Quyền được bảo vệ và Quyền được tham gia. Việc công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em phải đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai và đúng quy định.

#### **II. Thời gian, đối tượng áp dụng**

1. Thời gian: Bắt đầu thực hiện từ năm 2019.
2. Kế hoạch này áp dụng đối với các xã, phường, thị trấn trong phạm vi toàn tỉnh; các thành viên Hội đồng đánh giá, Hội đồng xét duyệt, trẻ em, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

#### **III. Các hoạt động trọng tâm**

1. Tăng cường công tác truyền thông, vận động xã hội về xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng, in tờ rơi, sách mỏng... tuyên truyền về tiêu chuẩn trình tự, đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

2. Tổ chức tập huấn, hội thảo triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho cán bộ các ngành, đoàn thể có liên quan, lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; cán bộ phụ trách công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp huyện, cấp xã và đội ngũ cộng tác viên trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát, phúc tra, trình tự và đánh giá công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo quy định.

4. Tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết và khen thưởng cho các tập thể cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác triển khai thực hiện xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, tổ chức đoàn cán bộ tỉnh, huyện, xã đi giao lưu học tập kinh nghiệm về việc thực hiện xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em tỉnh bạn.

#### IV. Tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

1. Tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em bao gồm 13 tiêu chí sau:

- a) Tiêu chí 1: Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em;
- b) Tiêu chí 2: Trẻ em được khai sinh đúng quy định;
- c) Tiêu chí 3: Trẻ em bị xâm hại;
- d) Tiêu chí 4: Trẻ em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy;
- đ) Tiêu chí 5: Trẻ em bị tai nạn, thương tích;
- e) Tiêu chí 6: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp;
- g) Tiêu chí 7: Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng;
- h) Tiêu chí 8: Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi;
- i) Tiêu chí 9: Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ;
- k) Tiêu chí 10: Trẻ em đến trường, lớp mầm non;
- l) Tiêu chí 11: Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em;
- m) Tiêu chí 12: Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em;
- n) Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của trẻ em và người dân về việc thực hiện quyền trẻ em.

2. Cách tính và thang điểm đối với từng tiêu chí

Tên gọi của tiêu chí	Cách tính và thang điểm	Số điểm
Tiêu chí 1: Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em	1. Có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã: 50 điểm 2. Có bố trí cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại khu, ấp 15 điểm 3. Có ban bảo vệ trẻ em hoặc nhóm chuyên trách bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt chế độ giao ban, đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm: 15 điểm 4. Có kinh phí (ngân sách nhà nước và vận động xã hội) chăm lo cho trẻ em tại địa phương: 20 điểm	100
Tiêu chí 2: Trẻ em được khai sinh đúng	Tính theo tỷ lệ trẻ em được khai sinh đúng quy định:	50

quy định	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ 98% trở lên: 50 điểm</li> <li>2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm</li> <li>3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm</li> <li>4. Dưới 80%: 20 điểm</li> </ol>	
Tiêu chí 3: Trẻ em bị xâm hại	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em bị xâm hại (là số trẻ em bị xâm hại dưới các hình thức mà người xâm hại trẻ em bị xử lý hành chính hoặc hình sự trên 1.000 trẻ em):</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự: 0 điểm</li> <li>2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hành chính, hình sự và tỷ suất trẻ em bị xâm hại trong kỳ đánh giá: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Dưới 1/1.000: 125 điểm</li> <li>b) Từ 1 đến dưới 3/1.000: 100 điểm</li> <li>c) Từ 3 đến dưới 5/1.000: 75 điểm</li> <li>d) Từ 5 đến dưới 7/1.000: 50 điểm</li> <li>đ) Từ 7/1.000 trở lên: 30 điểm</li> </ol> </li> </ol>	125
Tiêu chí 4: Trẻ em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em vi phạm pháp luật (là số trẻ em vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý hình sự, phải áp dụng biện pháp xử lý hành chính: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình và trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại cơ sở cai nghiện, gia đình, cộng đồng trên 1.000 trẻ em):</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Dưới 1/1.000: 50 điểm</li> <li>2. Từ 1 đến dưới 2/1.000: 40 điểm</li> <li>3. Từ 2 đến dưới 5/1.000: 30 điểm</li> <li>4. Từ 5 đến dưới 7/1.000: 20 điểm</li> <li>5. Từ 7/1.000 trở lên: 10 điểm</li> </ol>	50
Tiêu chí 5: Trẻ em bị tai nạn, thương tích	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích (là số trẻ em bị tai nạn, thương tích dẫn đến tử vong hoặc bị khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật trên 1.000 trẻ em):</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích: 0 điểm</li> <li>2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích và tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Dưới 0,25/1.000: 100 điểm</li> </ol> </li> </ol>	100

	<p>b) Từ 0,25 đến dưới 0,5/1.000: 75 điểm</p> <p>c) Từ 0,5/1.000 trở lên: 50 điểm</p>	
<p>Tiêu chí 6: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp</p>	<p>1. Tính theo tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp:</p> <p>a) Từ 95% trở lên: 50 điểm</p> <p>b) Từ 90 đến dưới 95%: 40 điểm</p> <p>c) Từ 80 đến dưới 90%: 30 điểm</p> <p>d) Từ 70 đến dưới 80%: 20 điểm</p> <p>đ) Dưới 70%: 10 điểm</p> <p>2. Tính theo tỷ lệ các vụ việc trẻ em bị xâm hại tình dục, bỏ rơi, mua bán được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch can thiệp, hỗ trợ kịp thời:</p> <p>a) 100%: 75 điểm</p> <p>b) Từ 75% đến dưới 100%: 60 điểm</p> <p>c) Từ 50% đến dưới 75%: 40 điểm</p> <p>d) Dưới 50%: 0 điểm</p>	125
<p>Tiêu chí 7: Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng (là số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng so với tổng số trẻ em dưới 1 tuổi):</p> <p>1. Từ 98% trở lên: 50 điểm</p> <p>2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm</p> <p>3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm</p> <p>4. Dưới 80%: 10 điểm</p>	50
<p>Tiêu chí 8: Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi</p>	<p>1. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi):</p> <p>a) Dưới 10%: 45 điểm</p> <p>b) Từ 10 đến dưới 14%: 35 điểm</p> <p>c) Từ 14% trở lên: 25 điểm</p> <p>2. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi):</p> <p>a) Dưới 20%: 30 điểm</p> <p>b) Từ 20 đến dưới 24%: 20 điểm</p> <p>c) Từ 24% trở lên: 10 điểm</p>	75
<p>Tiêu chí 9: Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em được khám sức khỏe định kỳ (là số trẻ em được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần trong năm trên tổng số trẻ em):</p> <p>1. Từ 80% trở lên: 50 điểm</p> <p>2. Từ 70% đến dưới 80% : 40 điểm</p> <p>3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm</p> <p>4. Từ 50% đến dưới 60%: 20 điểm</p> <p>5. Dưới 50%: 10 điểm</p>	50

Tiêu chí 10: Trẻ em đến trường, lớp mầm non	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em đến trường, lớp mầm non:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ 90% trở lên: 75 điểm</li> <li>2. Từ 80% đến dưới 90%: 65 điểm</li> <li>3. Từ 70% đến dưới 80%: 55 điểm</li> <li>4. Dưới 70%: 40 điểm</li> </ol>	75
Tiêu chí 11: Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em	<p>Tính theo việc tổ chức hoạt động thực hiện quyền tham gia của trẻ em (diễn đàn trẻ em, thăm dò ý kiến trẻ em, câu lạc bộ quyền trẻ em, hội đồng trẻ em, chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện, các hình thức khác theo quy định) và tỷ lệ trẻ em tham gia:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ 20% trở lên: 75 điểm</li> <li>2. Từ 15% đến dưới 20%: 60 điểm</li> <li>3. Từ 10 % đến dưới 15%: 50 điểm</li> <li>4. Dưới 10%: 40 điểm</li> </ol>	75
Tiêu chí 12: Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tính theo tỷ lệ khu, ấp có Nhà văn hóa - Khu thể thao dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng để tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao cho trẻ em: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Từ 70% trở lên: 45 điểm</li> <li>b) Từ 50% đến dưới 70%: 30 điểm</li> <li>c) Dưới 50%: 20 điểm</li> </ol> </li> <li>2. Tổ chức ít nhất 02 hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao cho trẻ em (ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, tháng hành động vì trẻ em, tết Trung thu,...): 30 điểm</li> </ol>	75
Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của trẻ em và người dân về việc thực hiện quyền trẻ em	<p>Tính theo tỷ lệ người dân và trẻ em hài lòng về việc thực hiện quyền trẻ em tại địa phương (là số trẻ em và người dân hài lòng trên tổng số trẻ em và người dân được hỏi ý kiến thông qua một hoặc các hình thức: phiếu lấy ý kiến, cuộc họp, gặp mặt, đối thoại hoặc hình thức phù hợp khác):</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ 80% trở lên: 50 điểm</li> <li>2. Từ 70% đến dưới 80%: 40 điểm</li> <li>3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm</li> <li>4. Từ 50 đến dưới 60%: 20 điểm</li> <li>5. Dưới 50%: 10 điểm</li> </ol>	50

**V. Điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em**

Xã, phường, thị trấn được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em phải đạt đủ 13 tiêu chí quy định tại Điều 2 của Quyết định 06, không có tiêu chí nào bị 0 điểm và đạt tổng số điểm theo quy định từ 850 điểm trở lên.

## **VI. Thời gian, trình tự đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em**

1. Việc đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được thực hiện vào tháng 11 năm thứ 2 và tháng 11 năm thứ 4 của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm.

Số liệu thống kê các Tiêu chí 1, 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 được thu thập trong năm đánh giá.

Số liệu thống kê Tiêu chí 3 và Tiêu chí 5 được thu thập hàng năm và trong năm đánh giá.

2. Công chức Văn hóa - xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc cán bộ phụ trách công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng đánh giá bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm: Công chức Văn hóa - xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc cán bộ phụ trách công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em (ủy viên thường trực), Trưởng Công an, Trạm trưởng Trạm y tế, Công chức Tư pháp - hộ tịch, Hiệu trưởng Trường mầm non, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ, đại diện khu, ấp.

3. Họp Hội đồng đánh giá: Các thành viên căn cứ nhiệm vụ được giao thu thập số liệu, chấm điểm và báo cáo tình hình thực hiện các tiêu chí liên quan. Cuộc họp của Hội đồng đánh giá phải được ghi chép bằng biên bản; có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký duyệt báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 11 của năm đánh giá.

## **VII. Thời gian, trình tự xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em**

1. Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng xét duyệt bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm đại diện lãnh đạo các phòng, đơn vị: Lao động - Thương binh và Xã hội (ủy viên thường trực), Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thông tin, Y tế, Công an, Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ.

2. Họp Hội đồng xét duyệt: Các thành viên Hội đồng xét duyệt có nhiệm vụ xem xét báo cáo của cấp xã và xác định số điểm đạt được cho từng tiêu chí. Cuộc họp của Hội đồng xét duyệt phải được ghi chép bằng biên bản, có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

3. Công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp danh sách xã, phường, thị trấn đạt đủ điều kiện theo quy định tại mục VI của Kế hoạch này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và ký quyết định công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trước ngày 25 tháng 11 của năm đánh giá.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức trao quyết định công nhận và tặng khen thưởng (theo quy định hiện hành) cho các xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trước ngày 10 tháng 12 của năm đánh giá.

### **VIII. Chế độ báo cáo**

Trước ngày 30 tháng 11 của năm đánh giá, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 06 trước ngày 10 tháng 12 của năm đánh giá.

### **IX. Khen thưởng**

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

- Tổng hợp danh sách các xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em năm thứ 2 được đánh giá trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, khen thưởng.

- Tổng hợp danh sách các xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em 04 năm liên tục gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, khen thưởng và khen thưởng cho các tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp.

### **X. Kinh phí thực hiện**

Nguồn và dự kiến kinh phí thực hiện kế hoạch này gồm: Nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn tài trợ của các cá nhân trong và ngoài nước (nếu có). Tổng kinh phí dự kiến triển khai thực hiện Kế hoạch quy định tiêu chuẩn trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em tỉnh Bình Dương giai đoạn 1 năm 2019 - 2022 là: 1.161.140.000 đồng, trong đó:

- Chi từ ngân sách cấp tỉnh: 291.530.000 đồng;
- Chi từ ngân sách cấp huyện: 382.810.000 đồng;
- Chi từ ngân sách cấp xã: 216.800.000 đồng.
- Chi từ Quỹ thi đua khen thưởng cấp huyện: 270.000.000 đồng;

### **XI. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định 06.

2. Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch triển khai Quyết định 06 theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Quyết định 06 trong phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia giám sát, vận động nguồn lực, hỗ trợ thực hiện tiêu chuẩn đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

4. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định 06 tại địa phương; bảo đảm kinh phí thực hiện và phân công cơ quan chuyên môn, cán bộ, công chức các ngành làm đầu mối theo dõi, tham mưu thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, tham mưu hướng dẫn thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định 06 trên địa bàn tỉnh giai đoạn 1 năm 2019 – 2022; yêu cầu Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan liên quan phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai đúng nội dung Kế hoạch./.

**Nơi nhận:**

- Bộ LĐTB&XH;
- CT, PCT;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành (18);
- UBND các huyện, tx, tp;
- LĐVP, Thái, TH; Tài, Web; W
- Lưu: VT 37

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Minh Hưng**

Sao y văn bản

Phủ giáo, ngày 2 tháng 2 năm 2016

**CHÁNH VĂN PHÒNG**

**VĂN PHÒNG HĐND – UBND**

**HUYỆN PHÚ GIÁO**

Số: 30 /SY

**Nơi nhận:**

- ...Đài Truyền Thanh
- ...L.ĐT.BXH
- ...UBND các xã, phường, thị trấn;
- .....;
- .....;
- .....;
- Lưu VP.



**Huỳnh Ngọc Ánh**